

Bài tập

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây.

1) Côn trùng không chỉ là một phần quan trọng của chuỗi thức ăn, mà còn được dùng trong nghiên cứu y khoa.

- insect (c) côn trùng

- medical (adj) thuộc y học, y khoa

- food chain (c, usually singular) chuỗi thức ăn

2) Tập thể dục đều đặn không chỉ giúp làm giảm huyết áp mà còn có thể bảo vệ chúng ta khỏi những cơn đau tim.

- regular (adj) đều đặn

- blood pressure (u) huyết áp

- protect sb against sth: bảo vệ ai đó khỏi cái gì

- heart attack (c) cơn đau tim

3) Họ không chỉ là chuỗi thức ăn nhanh lớn nhất của thế giới mà cũng là người tạo ra khuynh hướng của ngành công nghiệp này.

- chain (c) chuỗi

- trendsetter (c) người tạo ra khuynh hướng

- industry (c) ngành công nghiệp

4) Bảng phụ lục không những liệt kê các ngôn ngữ mà còn có các ký hiệu tương ứng.

- appendix (c) phụ lục

- corresponding (adj) tương ứng

- sign (c) symbol: ký hiệu

5) Trong nhiều trường hợp, sự lạc quan không những giúp bạn khỏi bệnh tật mà còn giúp bạn giữ được tinh thần.

- optimism (u) sự lạc quan

- recover (from) (i) khỏi bệnh

- keep one's spirits up: giữ tinh thần

6) Hãy cố gắng hiểu rõ không những lời giải thích mà còn các lý lẽ nằm đằng sau chúng.

- explanation (c) lời giải thích

- reason (+for/behind) (c) lý lẽ

2. As well as (cũng như)

Ex:

- They like walking **as well as** skiing. (Họ thích đi bộ cũng như trượt tuyết)

- I often read books **as well as** listening to music in my free time. (Tôi thường đọc sách cũng như nghe nhạc vào thời gian rảnh)

Bài tập

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây.

1) Các nhà đầu tư thường quan tâm đến lợi thế cạnh tranh của một công ty cũng như tỷ suất lợi nhuận của nó.

- investor (c) nhà đầu tư

- profit margin (c) biên lợi nhuận, tỷ suất

- competitive advantage (c) lợi thế cạnh

lợi nhuận

tranh
